

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2018/HSST.
Ngày 25/9/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH BẮC NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Đức Năm.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Long và ông Phạm Văn Quang.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Phương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Y, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Huy Lệ, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 129/2018/TLST-HS ngày 13/8/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2018/QĐXXST-HS ngày 13/9/2018 đối với ***bị cáo:***

Họ và tên: **Bùi Văn H** - Sinh năm 1993.

Nơi cư trú: Thôn T, xã Ng, huyện Ng, tỉnh Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; trình độ học vấn: Lớp 5/12 nhưng không biết đọc, viết; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Ch và bà Quách Thị S; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai; vợ: Hoàng Thị Th (đã ly hôn); có 01 con sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/6/2018. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

****Người bị hại:*** Anh Trương Văn Đ, sinh năm 1995. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn T, xã Ng, huyện Ng, tỉnh Thanh Hóa.

****Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

Anh Bùi Văn M, sinh năm 1991. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn T, xã Ng, huyện Ng, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 20/5/2018 đến ngày 02/6/2018, tại khu nhà trọ của gia đình ông Nguyễn Văn M ở thôn Ng, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh, Bùi Văn H đã 02 lấy tài sản của anh Trương Văn Đ. Cụ thể: Lần thứ nhất vào ngày 20/5/2018, H đã lấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y71 màu vàng và lần thứ hai vào ngày 02/6/2018, H lấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu đỏ trắng Biển kiểm soát (BKS) 36K5 - 080.xx. Tổng trị giá tài sản mà H chiếm đoạt của anh Đ là 12.000.000đ.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu đỏ trắng BKS 36K5 - 080.xx; 01 giấy đăng ký xe mô tô BKS 36K5-080.xx; 01 ví da màu nâu; 01 bản photo Chứng minh thư nhân dân (CMTND) mang tên Trương Văn Đ; 01 giấy phép lái xe mô tô mang tên Trương Văn Đ; 01 giấy chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ mang tên Trương Văn Đ; 01 thẻ ATM mang tên Bùi Thị H và 2.500.000đ.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 50 ngày 09/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Y kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu đỏ trắng BKS 36K5-080.xx, số máy 5C6J1743xx, số khung C6J0GY1743xx đã qua sử dụng có giá trị còn lại là 9.000.000đ.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 60 ngày 27/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Y kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu vàng đã qua sử dụng có giá trị còn lại là 3.000.000đ.

Bản Cáo trạng số 127/CTr-VKS ngày 13/8/2018 của Viện trưởng VKSND huyện Y, tỉnh Bắc Ninh đã truy tố Bùi Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố hành vi phạm tội của bị cáo là đúng và khai nhận: H không có công việc ổn định và ở trọ cùng với anh Trương Văn Đ (người cùng quê) thuê trọ nhà ông Nguyễn Văn M. Khoảng 07 giờ ngày 02/6/2018, sau khi đi chơi về anh Đ để chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu đỏ trắng BKS 36K5-080.xx ở sân nhà trọ rồi đi về phòng ngủ, chìa khóa xe mô tô anh Đ treo ở móc treo quần áo trên tường. Đến khoảng 07 giờ 30 phút cùng ngày, khi H ngủ dậy thì thấy anh Đ vẫn đang ngủ. Do không có tiền tiêu xài cá nhân nên H nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô của anh Đ. H lấy chiếc ví của anh Đ để dưới chiếu trên giường, lấy chìa khóa xe mô tô anh Đ treo trên tường rồi đi ra sân nhà trọ. H đi đến vị trí chiếc xe mô tô của anh Đ cắm chìa khóa vào ổ khóa điện rồi nổ máy, điều khiển xe đi khỏi khu nhà trọ. Sau đó đi đến Công ty TNHH tư vấn hỗ trợ đầu tư Đ chi nhánh số 6 tại thôn M, xã L, huyện Y để cầm cố chiếc xe mô tô trên. Đến nơi H gặp anh Nguyễn Văn Tr, H nói với anh Tr là xe của mình muốn cầm cố lấy tiền và H đưa cho anh Tr xem các giấy tờ gồm: Đăng ký xe, giấy phép lái xe, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông, chứng minh thư photo đều mang tên Trương Văn Đ, anh Tr đồng ý cầm xe cho H với số tiền là 6.000.000đ, giữ

lại giấy đăng ký xe. H cầm tiền rồi quay về phòng trọ thì thấy anh Đ vẫn đang ngủ. H gấp quần áo cho vào ba lô, nói với anh Đ là về quê rồi đi ra khỏi phòng trọ. Ngày 04/6/2018, H đã đến Công an huyện Y đầu thú và giao nộp: 01 ví da màu nâu; 01 bản photo CMTND mang tên Trương Văn Đ; 01 giấy phép lái xe mô tô mang tên Trương Văn Đ; 01 giấy chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ mang tên Trương Văn Đ; 01 thẻ ATM mang tên Bùi Thị H và 2.500.000đ để trả lại cho anh Đ.

Ngoài ra H còn khai nhận: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 20/5/2018, khi H về phòng trọ thì thấy anh Đ đang ngủ, chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y71 màu vàng của anh Đ đang cắm sạc điện ở đầu giường. Thấy anh Đ ngủ say nên H đã lấy chiếc điện thoại của anh Đ mang đi bán lấy tiền tiêu xài. H đi đến vị trí chiếc điện thoại rút dây sạc rồi cầm điện thoại cho vào túi quần. Sau đó H đi bộ ra khỏi khu nhà trọ và thuê xe ôm của một người đàn ông không quen biết đi ra khu vực bến xe thị xã T, tỉnh Bắc Ninh để đi xe buýt đi ra thành phố Hà Nội chơi. Tại đây H đã bán chiếc điện thoại cho một người đàn ông không quen biết với giá 400.000đ và đã tiêu xài hết.

Anh Trương Văn Đ-Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng theo lời khai tại cơ quan điều tra (CQĐT) có trong hồ sơ thể hiện: Khoảng 07 giờ ngày 02/6/2018, sau khi đi chơi về anh Đ để chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu đỏ trắng BKS 36K5-080.xx ở sân nhà trọ rồi đi về phòng trọ ngủ, chìa khóa xe mô tô anh treo ở móc treo quần áo trên tường. Khoảng 08 giờ 45 phút cùng ngày, anh Đ ngủ dậy thì phát hiện chiếc xe mô tô của mình bị mất nên đã làm đơn trình báo Công an huyện Y về việc mất chiếc xe mô tô và chiếc điện thoại Vivo Y71. Ngày 28/6/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã trả lại cho anh Đ chiếc xe mô tô và toàn bộ các giấy tờ liên quan. Nay anh Đ không yêu cầu bị cáo bồi thường gì về chiếc xe mô tô mà chỉ yêu cầu bị cáo phải bồi thường chiếc điện thoại Vivo theo quy định của pháp luật.

Anh Bùi Văn M-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng theo lời khai tại CQĐT có trong hồ sơ thể hiện: Anh là anh trai H, việc H trộm cắp xe máy của anh Đ như thế nào anh không biết. Sau khi được biết H cầm cố xe cho anh Tr và CQĐT đã thu chiếc xe đó nên anh đã tự nguyện bồi thường cho anh Tr 6.000.000đ. Nay anh không yêu cầu bị cáo phải trả anh số tiền đó.

Đại diện VKSND huyện Y thực hành quyền công tố tại phiên tòa khẳng định: Trong thời gian từ ngày 20/5/2018 đến ngày 02/6/2018, tại khu nhà trọ của ông Nguyễn Văn M. Bùi Văn H đã 02 lần lấy tài sản của anh Trương Văn Đ gồm 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y71 màu vàng trị giá 3.000.000đ và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu đỏ trắng BKS 36K5 - 080.xx trị giá 9.000.000đ. Tổng trị giá tài sản mà H chiếm đoạt của anh Đ là 12.000.000đ nên đã giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng và đề nghị HĐXX tuyên bố Bùi Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Sau khi phân tích tính chất của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như

nhân thân của bị cáo đã đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 47; Điều 48 BLHS; Điều 106 BLTTHS và Điều 589 BLDS xử phạt bị cáo Bùi Văn H từ 08-10 tháng tù thời hạn tù được tính từ ngày 04/6/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho anh Đ 3.000.000đ.

Về vật chứng: Trả lại bị cáo 2.500.000đ nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án
Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo tại phiên tòa.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; phù hợp với kết quả tranh luận tại phiên tòa thể hiện: Trong thời gian từ ngày 20/5/2018 đến ngày 02/6/2018, tại phòng trọ của anh Trương Văn Đ thuê của ông Nguyễn Văn M ở thôn Ng, xã L, huyện Y, Bùi Văn H đã 02 lần lén lút chiếm đoạt tài sản của anh Đ gồm: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y71 màu vàng trị giá 3.000.000đ và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu đỏ trắng BKS 36K5- 080.xx trị giá 9.000.000đ. Tổng trị giá tài sản mà H chiếm đoạt của anh Đ là 12.000.000đ. Do vậy đại diện VKSND huyện Y thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị HĐXX tuyên bố Bùi Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản” là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bị cáo phạm tội một mình, tài sản chiếm đoạt trị giá 12.000.000đ nên hành vi của bị cáo phạm vào khoản 1 Điều 173 BLHS.

Xét về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân mà còn gây mất trật tự trị an ở địa phương. Trong thời gian ngắn bị cáo đã 02 lần phạm tội, đây là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự nên cần phải xử lý nghiêm nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo xuất thân từ nhân dân lao động, sau khi phạm tội đã đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và nộp lại tiền và giấy tờ để khắc phục hậu quả. Đây là tình tiết giảm nhẹ được qui định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS nên cũng cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Đ đã nhận lại chiếc xe mô tô và toàn bộ các giấy tờ liên quan, nay anh Đ không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì về chiếc xe mô tô nên ghi nhận sự tự nguyện đó. Còn chiếc điện thoại không thu hồi được anh Đ yêu

cầu bị cáo phải bồi thường nên cần buộc bị cáo bồi thường cho anh Đ theo quy định của pháp luật.

Về số tiền 6.000.000đ của anh M tự nguyện trả anh Tr thay H, nay anh M không yêu cầu bị cáo trả lại nên ghi nhận sự tự nguyện đó.

Về vật chứng: Chiếc xe mô tô BKS 36K5 - 080.xx; 01 ví da màu nâu mặt ngoài bị rách; 01 giấy phép lái xe mô tô; 01 chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức giao thông đường bộ; 01 giấy chứng minh thư phổ thông đều mang tên Trương Văn Đ; 01 thẻ ATM mang tên Bùi Thị H (vợ anh Đ), đây là giấy tờ của anh Đ nên CQĐT đã trả lại anh Đ là phù hợp.

Số tiền 2.500.000đ, đây là số tiền bị cáo cầm cố chiếc xe mô tô còn. Nay bị cáo nộp lại nên cần trả cho anh Đ để trừ vào số tiền bị cáo phải bồi thường.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bùi Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 48 BLHS; Điều 106; Điều 136; Điều 329 BLTTHS; Các Điều 584-585-589 và Điều 357 BLDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự (LTHADS).

Phạt: Bùi Văn H 10 (Mười) tháng tù thời hạn tù được tính từ ngày 04/6/2018. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án (25/9/2018) theo Quyết định tạm giam của HĐXX.

Về vật chứng: Trả cho anh Trương Văn Đ 2.500.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền 3.000.000đ bị cáo phải bồi thường.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Anh Trương Văn Đ 3.000.000đ nhưng được khấu trừ 2.500.000đ bị cáo đã tự nguyện nộp lại, bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho anh Đ 500.000đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án phải chịu lãi suất đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất qui định tại Điều 468 BLDS tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 LTHADS thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 LTHADS. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 LTHADS.

Nơi nhận:

- TA, VKS tỉnh.
- VKS, CA, THADS huyện..
- Những người TGTT.
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(đã ký)

Lương Đức Năm